TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Mê, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bồn Thị Q; Sinh năm 1996;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã Y, huyện BM, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện VX, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Trồng trọt;

- Bị đơn: Anh Tráng Văn C; Sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện BM, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Trồng trọt;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bồn Thị Q và anh Tráng Văn Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Bồn Thị Q và anh Tráng Văn Ch thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bồn Thị Q và anh Tráng Văn C thỏa thuận.

Giao cho anh Tráng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Tráng Văn H, sinh ngày 26/12/2013. Chị Bồn Thị Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn Chị Bồn Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Bồn Thị Q tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Bồn Thị Q đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 07125 ngày 24/3/2020, chị Bồn Thị Q được hoàn trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí. Anh Tráng Văn C không phải chịu tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện;
- UBND xã Yên Cường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cụcTHADS (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cù Văn Minh